

Bản án số: 16/2020/HSST
Ngày: 17 - 6 - 2020

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Xuân Thí;

+ Ông : Nguyễn Văn Sáu;

+ Ông: Nguyễn Xuân Thạch;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*
Ông Đoàn Tiến Dũng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với :

- *Bị cáo:* **Lê A**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn 6, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê V (đã chết) và bà Lê Thị Q; có vợ (đã ly hôn) tên Phạm Thị V, có 01 con, sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 11 năm 2019 đến ngày 04 tháng 12 năm 2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình; theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Võ Bá Hoàn – Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Giang, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: Số 07 đường Hà Văn Cánh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trạm kiểm soát liên ngành Cửa khẩu quốc tế C, thuộc xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế C phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Bình tiến hành kiểm tra đối tượng Lê A khi đang làm thủ tục nhập cảnh về Việt Nam. Qua kiểm tra, phát hiện 02 túi ni lon màu xA và 01 túi ni lon màu hồng chứa 1.192 viên nén dạng thuốc tân dược, trong đó có 1.180 viên nén màu hồng và 12 viên nén màu xA, trên mỗi viên đều có ký hiệu “WY” được Lê A buộc chặt vào đuôi bên trái có cuốn băng dính màu đen, bên ngoài mặc quần dài màu đen. Lê A khai số viên nén trên là ma túy. Lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật gồm 1.192 viên nén, Giấy CMND và điện thoại của Lê A.

Quá trình điều tra, Lê A khai nhận: Trước khi bị bắt khoảng 01 tuần, A đón xe khách từ Quảng Bình lên cửa khẩu Quốc tế Cha Lo, do không có giấy tờ để xuất cảnh nên vượt biên trái phép qua nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Khi đến thị xã T, tỉnh K, Lê A đã gặp và mua 1.192 viên ma túy của một người đàn ông tên U (không biết rõ họ tên, nơi cư trú) với giá 3.100.000 kíp Lào, mục đích là đưa về Việt Nam để sử dụng và bán lại kiếm lời.

Sau khi tiến hành giám định, tại Bản kết luận giám định số 998/GĐ-PC09 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận 1.180 viên nén, dạng thuốc tân dược màu hồng là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 131,275 gam, 12 viên nén dạng thuốc tân dược màu xA là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,206 gam; tổng khối lượng ma túy 132,481 gam Methamphetamine.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã thu giữ gồm:

1. 02 (hai) túi ni lon màu xA và 01 túi ni lon màu hồng chứa tổng cộng 1.192 viên nén dạng thuốc tân dược (trong đó có 1.180 viên nén màu hồng và 12 viên nén màu xA)
2. 01 (một) túi ni lon màu hồng bị rách.
3. 01 (một) điện thoại di động loại Nokia màu đen
4. 01 (một) Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê A;

Các vật chứng này đang tạm giữ để giải quyết vụ án, riêng số ma túy đã được trích mẫu và niêm phong lại chờ xử lý.

Lê A còn khai nhận, trước đó, vào đầu tháng 11/2019, A có vận chuyển 610 viên ma túy hồng phiến từ Lào về Việt Nam theo đường tiểu ngạch để sử dụng. Lê A có cho Đ (nhà ở gần Ga Đ) một ít để sử dụng và thỏa thuận với Đ sau này có ma túy đem về, Đ mua sẽ bán lại với giá 25.000 đồng/ viên, cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng tên Đ nên không có căn cứ để kết luận.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-P1 ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Lê A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Lê A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo thừa nhận 1.192 viên ma túy dạng thuốc tân dược thu giữ khi bắt quả tang là của bị cáo mua ở nước Lào và đưa về nhằm mục đích sử dụng và mua bán lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lê A từ 17 đến 18 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy các vảy chứng gồm số viên nén là chất ma túy loại Methamphetamine đã được niêm phong sau khi trích mẫu giám định; tiêu hủy các túi ni long vì không có giá trị sử dụng; tịch thu điện thoại Nokia của bị cáo, trả lại Giấy chứng minh nhân dân cho bị cáo Lê A.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê A không tranh luận tội danh đối với A, khung hình phạt theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế C; Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh đối với A đối với bị cáo Lê A theo truy tố của Viện kiểm sát:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê A khai nhận: Bị cáo mua số lượng 1.192 viên ma túy có khối lượng 132,481 gam Methamphetamine của một người tên U tại thị xã T, tỉnh K, nước Cộng hòa nhân chủ nhân dân Lào rồi đưa về Việt Nam để sử dụng và bán lại nhằm mục đích kiếm lời, đến khoảng 17 giờ ngày 28/11/2019 thì bị bắt quả tang tại cửa khẩu Quốc tế C. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo cùng các vật chứng đã thu giữ được, kết luận giám định cùng các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án thấy hoàn toàn phù hợp và thống nhất.

Như vậy, đã đủ căn cứ để kết luận: Hành vi mua 1.192 viên nén có khối lượng 132,481 gam Methamphetamine từ Lào đưa về Việt Nam để sử dụng và bán lại của bị cáo Lê A đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Theo hướng dẫn tại tiêu mục 3.3, mục 3 phần II của Thông tư liên tịch số 08/VBHN-BCA ngày 31/12/2015 của Bộ Công an về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” thì hành vi mua chất ma túy nhằm bán lại cho người khác đã phạm vào tội mua bán trái phép chất ma túy, với khối lượng 132,481 gam Methamphetamine, bị cáo Lê A đã phạm vào điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự, đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và lời luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực sự gây nguy hại cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát các chất kích thích gây nghiện mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội. Hiện nay, tệ nạn ma túy đang là mối hiểm họa lớn của nhân loại, làm suy kiệt tài sản, là nguyên nhân phát sinh tội phạm và tệ nạn xã hội; việc mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, chiếm đoạt trái phép và sản xuất chất ma túy bị pháp luật Việt Nam nghiêm cấm tuyệt đối. Bị cáo đã không làm chủ được bản thân trước cám dỗ đồng tiền của tệ nạn ma túy, vì hám lợi mà bị cáo cố ý vi phạm pháp luật, điều đó cho thấy bị cáo là đối tượng có ý thức coi thường pháp luật, do đó phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng thống nhất đề nghị, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cân nhắc, áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử dưới khung hình phạt cho bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo, giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội và đảm bảo tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự có quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Bị cáo Lê A khai hoàn cảnh khó khăn, bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập

không ổn định, do vậy nghĩ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê A là phù hợp.

[5] Từ những đánh giá trên, nghĩ cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ đặc biệt nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Đối với đối tượng tên U ở Lào là người bị cáo Lê A khai bán ma túy cho bị cáo nhưng không có họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để điều tra làm rõ nên không xem xét trong vụ án này, khi chứng minh làm rõ sẽ xử lý sau. Đối với đối tượng tên Đ mà bị cáo khai đã cho sử dụng ma túy và hứa hẹn mua bán với bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên không có cơ sở để khởi tố.

[7] Về xử lý vật chứng:

Số lượng ma túy Methamphetamine được niêm phong trong 02 phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ 998/GĐ-PC09 được niêm phong bằng các chữ ký của các ông Lưu Đức B, Nguyễn Ngọc S, Lê Hồng D, Đặng Xuân B, dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và ngoài cùng dán băng dính trong suốt (01 phong bì ghi mẫu ký hiệu A1 và 01 phong bì ghi mẫu ký hiệu A2 – là chất ma túy độc hại nên tịch thu tiêu hủy;

Tiêu hủy 03 túi ni lông vì không có giá trị sử dụng;

Trả lại 01 chứng minh nhân dân số 191605687 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 12/8/2011 mang tên Lê A cho bị cáo Lê A. Đối với điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, bị cáo khai không sử dụng vào việc mua bán ma túy, Cơ quan điều tra không chứng minh được các thông tin về việc mua bán ma túy trên điện thoại của bị cáo nên trả lại cho bị cáo A không vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên về mức hình phạt là có cơ sở.

Đối với hành vi xuất cảnh trái phép của bị cáo Lê A chưa cấu thành tội phạm nên kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội dA và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Lê A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; các điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lê A 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê A.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê A để đảm bảo thi hành án (có quyết định tạm giam riêng của Hội đồng xét xử).

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1 Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng sau:

- Số lượng ma túy Methamphetamine được niêm phong trong 02 phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ 998/GĐ-PC09 được niêm phong bằng các chữ ký của các ông Lưu Đức Bình, Nguyễn Ngọc Sơn, Lê Hồng Dũng, Đặng Xuân Bảo, dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và ngoài cùng dán băng dính trong suốt (01 phong bì ghi mẫu ký hiệu A1 và 01 phong bì ghi mẫu ký hiệu A2

2.2 Tịch thu tiêu huỷ 03 túi ni lông;

2.3 Trả lại 01 chứng minh nhân dân số 191605687 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 12/8/2011 mang tên Lê A và trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen cho bị cáo Lê A.

Các vật chứng trên có đặc điểm được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình ngày 27/3/2020.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê A phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan ANĐT CA tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT 1 TANDTC
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Đức Long